

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26 Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	6 - 34
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26 Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần B.C.H là công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800286887 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 10/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/07/2025.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:

- Ông Phạm Bá Phú
- Ông Đặng Ngọc Hưng
- Ông Nguyễn Tổng Thắng

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Ông Lê Thanh Tuấn
- Ông Vũ Văn Dương
- Bà Nguyễn Thị Linh

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên:

- Ông Đặng Ngọc Hưng
- Bà Lê Thu Phương
- Bà Đặng Thị Tuyết Dung

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

3. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Ngọc Hưng - Tổng Giám đốc.

4. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG được bổ nhiệm là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép và lưu trữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định có liên quan.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tp. Hải Phòng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THU PHƯƠNG

Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-BCH ngày 01/01/2026.

Số: 19 /2026/BCSX/TTG.KD9

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Công ty Cổ phần B.C.H

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần B.C.H (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/08/2026, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được trình bày từ trang 06 đến trang 34.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần B.C.H tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Tại ngày 30/06/2026, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 95.051.024.954 đồng và lỗ lũy kế đến thời điểm cuối kỳ là 97.200.733.644 đồng. Các yếu tố này cùng với vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần B.C.H đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này tại ngày 04 tháng 10 năm 2025.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 31 tháng 03 năm 2026.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN PKF-TTG



Nguyễn Ngọc Tú

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2305-2023-330-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		462.879.990.384	802.482.714.066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.321.215.906	3.786.266.869
Tiền	111	5.1	3.321.215.906	3.786.266.869
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.766.953.487	9.766.953.487
Chứng khoán kinh doanh	121		9.766.953.487	9.766.953.487
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.923.381.030	426.467.681.121
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	231.018.938.718	495.057.113.545
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.004.665	93.317.665
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	4.500.000	7.420.312.264
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(76.103.062.353)	(76.103.062.353)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	294.765.026.886	362.358.399.514
Hàng tồn kho	141		300.912.975.482	368.506.348.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(6.147.948.596)	(6.147.948.596)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		103.413.075	103.413.075
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.9	103.413.075	103.413.075
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		902.350.291.310	902.197.291.310
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		990.409.091	2.469.392.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(990.409.091)	(2.469.392.867)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		159.462.000	159.462.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.462.000)	(159.462.000)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		153.000.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		153.000.000	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	902.197.291.310	902.197.291.310
Đầu tư vào công ty con	261		902.197.291.310	902.197.291.310
TÓNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.365.230.281.694	1.704.680.005.376

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		822.931.015.338	1.171.486.035.872
I. Nợ ngắn hạn	310		557.931.015.338	854.486.035.872
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	446.712.090.215	638.637.264.146
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.553.378	1.563.013
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.9	1.473.878.293	2.415.416.321
Phải trả người lao động	315		174.070.000	157.322.781
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.10	475.150.685	640.154.110
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.11	4.994.016.074	108.523.058.808
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.12	104.000.000.000	104.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		100.256.693	111.256.693
II. Nợ dài hạn	330		265.000.000.000	317.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.12	265.000.000.000	317.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.13	542.299.266.356	533.193.969.504
Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
Thặng dư vốn	412		139.500.000.000	139.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(97.200.733.644)	(106.306.030.496)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(106.306.030.496)	(98.897.444.090)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		9.105.296.852	(7.408.586.406)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.365.230.281.694	1.704.680.005.376

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026.

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẶNG THỊ THU HÒA

ĐẶNG THỊ TUYẾT DUNG

LÊ THU PHƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.813.872.098.032	1.516.922.383.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.813.872.098.032	1.516.922.383.635
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.775.803.870.932	1.512.150.169.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.068.227.100	4.772.214.098
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	751.190.215	3.834.630.503
8. Chi phí tài chính	23	6.4	27.938.795.929	30.871.932.432
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		17.695.765.676	25.621.569.270
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	648.693.523	2.682.069.298
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.457.408.834	1.590.923.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.774.519.029	(26.538.080.229)
12. Thu nhập khác	31	6.7	339.899.751	16.265.000.000
13. Chi phí khác	32	6.8	9.121.928	-
14. Lợi nhuận khác	40		330.777.823	16.265.000.000
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.105.296.852	(10.273.080.229)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.105.296.852	(10.273.080.229)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẶNG THỊ THU HÒA

ĐẶNG THỊ TUYẾT DUNG

LÊ THU PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.105.296.852	(10.273.080.229)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	8.694.436.296
Các khoản dự phòng	03		-	4.135.039.156
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(916.190.215)	(20.014.630.503)
Chi phí đi vay	06		17.695.765.676	25.621.569.270
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		25.884.872.313	8.163.333.990
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		271.544.300.091	71.329.836.276
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		67.593.372.628	87.225.406.727
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(296.557.267.109)	(146.152.004.159)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		-	(7.503.289.575)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(1.507.500.000)
Chi phí đi vay đã trả	14		(17.693.519.101)	(26.688.868.093)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		50.771.758.822	(15.133.084.834)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(153.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		165.000.000	124.430.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(400.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	242.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		751.190.215	1.534.962.466
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		763.190.215	(32.035.037.534)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	449.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		-	303.339.182.880
Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.000.000.000)	(706.534.595.955)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.000.000.000)	46.304.586.925	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(465.050.963)	(863.535.443)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	3.786.266.869	5.671.250.590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	3.321.215.906	4.807.715.147

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẶNG THỊ THU HÒA**ĐẶNG THỊ TUYẾT DUNG****LÊ THU PHƯƠNG**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần B.C.H (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800286887 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) đăng ký cấp lần đầu ngày 10/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/07/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng), tương đương 50.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là BCA từ ngày 08/09/2021.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu phôi thép và các sản phẩm về thép;
- Sản xuất, mua bán, gia công kim loại, các sản phẩm từ kim loại;
- Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, mangan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực);
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ cân thuê hàng hóa;
- Mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, mua bán giày dép, nguyên vật liệu giày dép;
- Sản xuất, mua bán hàng nông, lâm, thủy, hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 1 công ty con (tại ngày 01/01/2026, Công ty có 1 công ty con), cụ thể như sau:

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con sở hữu trực tiếp qua Công ty					
1	Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	Tuyên Quang	100	100	Sản xuất sắt, thép, gang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1.6. Số lượng người lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 11 người (tại ngày 31/12/2025 là 12 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN VÀ GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

2.3. Giả định cơ sở hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/06/2026, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 95.051.024.954 đồng và lỗ lũy kế đến thời điểm cuối kỳ là 97.200.733.644 đồng. Các yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã từng bước đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại giúp cho Công ty vẫn đứng vững trên thị trường với doanh thu trong 06 tháng đầu năm 2026 là 2.813.872.098.032 đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 9.105.296.852 đồng. Do vậy, vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ hỗ trợ tài chính đối với các khoản nợ phải trả đến hạn (nếu cần). Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

dùng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc áp dụng Thông tư 99 trong kỳ kế toán hiện tại không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán quan trọng được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, hối phiếu, các khoản nợ/cho vay được doanh nghiệp mua bán lại để kiếm lời,...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, công ty thực hiện lập dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty được ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị: | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý: | 03 - 08 năm |

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.8. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các bên góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông và được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành/ thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các bên góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4.12. Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ kế toán và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ kế toán là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi cho vay. Tiền lãi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu (Trường hợp Công ty cổ phần) chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí hoạt động tài chính khác không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ kế toán.

4.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và cung cấp dịch, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Miền Bắc). Do đó theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty đủ điều kiện lập Báo cáo bộ phận tại thuyết minh 7.3.

4.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay
- Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Tiền mặt	2.816.255.333	2.371.994.179
- Tiền gửi không kỳ hạn	504.960.573	1.414.272.690
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	479.342.138	1.356.939.872
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	20.837.071	5.738.092
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4.781.364	51.522.453
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	72.273
Cộng	3.321.215.906	3.786.266.869

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	9.766.953.487	10.247.985.000	-	9.766.953.487	10.214.820.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM (*)	9.766.953.487	10.247.985.000	-	9.766.953.487	10.214.820.000	-
Cộng	9.766.953.487	10.247.985.000	-	9.766.953.487	10.214.820.000	-

(*) Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM

Mã chứng khoán: DHM

Sàn: HOSE

Số lượng chứng khoán sở hữu: 1.658.250 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	902.197.291.310	-	(*)	902.197.291.310	-	(*)
- Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	902.197.291.310	-	(*)	902.197.291.310	-	(*)
Cộng	902.197.291.310	-	(*)	902.197.291.310	-	(*)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(*) Theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, các Công ty được đầu tư bởi Công ty chưa thực hiện niêm yết. Vì vậy, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con sở hữu trực tiếp qua Công ty				
Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	Tuyên Quang	100%	100%	Sản xuất sắt, thép, gang

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	135.816.872.971	(76.103.062.353)	495.057.113.545	(76.103.062.353)
+ Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	59.707.758.219	-	260.537.657.330	-
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản NIKKO Việt Nam	-	-	94.505.164.217	-
+ Công ty Cổ phần Luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	(76.103.062.353)	76.103.062.353	(76.103.062.353)
+ Các khách hàng khác	6.052.399	-	63.911.229.645	-
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan	95.202.065.747	-	-	-
+ Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang	95.202.065.747	-	-	-
Cộng	231.018.938.718	(76.103.062.353)	495.057.113.545	(76.103.062.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.500.000	-	7.420.312.264	-
+ Cầm cổ ký quỹ, ký cược	4.500.000	-	4.993.054.364	-
+ Phải thu chiết khấu thương mại	-	-	2.427.257.900	-
Cộng	4.500.000	-	7.420.312.264	-

5.5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	76.103.062.353	- (76.103.062.353)	76.103.062.353	- (76.103.062.353)
Công ty Cổ phần Luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	- (76.103.062.353)	76.103.062.353	- (76.103.062.353)
Cộng	76.103.062.353	- (76.103.062.353)	76.103.062.353	- (76.103.062.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	125.059.243.761	-	96.897.229.718	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	1.074.957.168	-
- Hàng hóa	-	-	94.680.429.503	-
- Hàng gửi đi bán	175.853.731.721	(6.147.948.596)	175.853.731.721	(6.147.948.596)
Cộng	300.912.975.482	(6.147.948.596)	368.506.348.110	(6.147.948.596)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.393.801.958	990.409.091	85.181.818	2.469.392.867
Thanh lý, nhượng bán	(1.393.801.958)	-	(85.181.818)	(1.478.983.776)
Số dư cuối kỳ	-	990.409.091	-	990.409.091
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	(1.393.801.958)	(990.409.091)	(85.181.818)	(2.469.392.867)
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	1.393.801.958	-	85.181.818	1.478.983.776
Số dư cuối kỳ	-	(990.409.091)	-	(990.409.091)
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026, Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 990.409.091 đồng. (tại ngày 31/12/2025 là 2.469.392.867 đồng).				

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.8. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Phải trả các nhà cung cấp khác	172.309.213.746	606.250.020.012
+ Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	170.026.214.737	372.143.879.485
+ Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	-	233.085.043.477
+ Các khoản phải trả người bán khác	2.282.999.009	1.021.097.050
- Phải trả các nhà cung cấp là bên liên quan	274.402.876.469	32.387.244.134
+ Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	274.402.876.469	32.387.244.134
Cộng	446.712.090.215	638.637.264.146

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.9. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu của Nhà nước

5.9.1 Thuế và các khoản phải nộp

	Số đầu kỳ (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Thuế GTGT đầu ra	2.415.416.321	9.796.074.077	10.770.097.019	1.441.393.379
Thuế thu nhập cá nhân	-	50.119.725	17.634.811	32.484.914
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	97.625.102	97.625.102	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.121.928	9.121.928	-
Cộng	2.415.416.321	9.952.940.832	10.894.478.860	1.473.878.293

5.9.2 Thuế và các khoản phải thu

	Số đầu kỳ (VND)	Số phải thu trong kỳ (VND)	Số đã thu trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.413.075	-	-	103.413.075
Cộng	103.413.075	-	-	103.413.075

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**Mẫu số B 09a – DN**

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.10. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	475.150.685	640.154.110
+ Chi phí lãi vay phải trả	475.150.685	472.904.110
+ Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	167.250.000
Cộng	475.150.685	640.154.110

5.11. Phải trả khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Phải trả các bên liên quan	-	108.495.819.037
+ Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	-	108.495.819.037
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.994.016.074	27.239.771
+ Kinh phí công đoàn	25.239.771	27.239.771
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.968.776.303	-
Cộng	4.994.016.074	108.523.058.808

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bè, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ (VND)	Trong kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)
		Tăng	Giảm	
Vay dài hạn đến hạn trả	104.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	104.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (1)	104.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	104.000.000.000
Vay dài hạn	265.000.000.000	-	52.000.000.000	317.000.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (2)	265.000.000.000	-	52.000.000.000	317.000.000.000
Cộng	369.000.000.000	52.000.000.000	104.000.000.000	421.000.000.000

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2023/1949269/HĐTD ký ngày 25/12/2023 giữa Công ty Cổ phần B.C.H và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên, thời hạn cho vay 72 tháng. Tổng số dư khoản cho vay là 600.000.000.000 VND, vẫn bản bổ sung sửa đổi được lập ngày 05/01/2024 về sửa đổi tổng số dư khoản vay là 540.000.000.000 VND và không vượt quá 60% giá mua phần vốn chuyển nhượng theo hợp đồng mua bán phần vốn giữa Công ty Cổ phần B.C.H và Tập đoàn Hengxing - Công ty Excel Pearl (Hong Kong) và Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và bảo lãnh được phát hành tới đa là 650.000.000.000 VND. Mục đích vay vốn là mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Excel Pearl (Hong Kong) tại Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và phát hành bảo lãnh thanh toán liên quan đến việc mua lại phần vốn kể trên. Lãi suất cho vay hiện tại là 9,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng cầm cố, thế chấp cụ thể sau:

- Hợp đồng thế chấp Động sản và Quyền tài sản số 01/2023/1949269/HĐTC ký ngày 25/12/2023 giữa Công ty Cổ phần B.C.H và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tài sản thế chấp là toàn bộ quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản (hiện đang tồn tại hoặc hình thành trong tương lai) thuộc dự án mua lại toàn bộ phần góp vốn thuộc sở hữu của Công ty Excel Pearl (Hong Kong) tại Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang. Giá trị tài sản thế chấp là 1.200.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bè, Phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	190.000.000.000	-	(98.897.444.090)	91.102.555.910
- Tăng vốn trong năm trước (*)	310.000.000.000	139.500.000.000	-	449.500.000.000
- Lỗ trong năm trước	-	-	(7.408.586.406)	(7.408.586.406)
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	139.500.000.000	(106.306.030.496)	533.193.969.504
Số dư đầu kỳ	500.000.000.000	139.500.000.000	(106.306.030.496)	533.193.969.504
- Lãi trong kỳ này	-	-	9.105.296.852	9.105.296.852
Số dư cuối kỳ	500.000.000.000	139.500.000.000	(97.200.733.644)	542.299.266.356

(*) Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần B.C.H. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2024 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần B.C.H bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản lần 2.

Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 55/BCH ngày 14/04/2025 của Công ty Cổ phần B.C.H tổng hợp kết quả chào bán: 31.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán; Giá bình quân gia quyền: 14.500 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 449.500.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	245.327.000.000	97.317.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	254.673.000.000	402.683.000.000
Cộng	500.000.000.000	500.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	500.000.000.000	190.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	310.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán hàng	2.808.125.714.659	1.510.362.318.339
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.746.383.373	6.560.065.296
Cộng	2.813.872.098.032	1.516.922.383.635

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan chi tiết tại thuyết minh 7.2:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	1.513.190.756.641	529.628.026.882
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)	529.870.690.140	-

(*) Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng là bên liên quan từ thời điểm 31/12/2025. Do đó giao dịch trong kỳ trước chưa phát sinh.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn kinh doanh hàng hóa	2.770.380.795.287	1.494.141.878.031
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.423.075.645	6.012.460.807
- Giá vốn khấu hao ngừng sản xuất	-	8.273.707.530
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.722.123.169
Cộng	2.775.803.870.932	1.512.150.169.537

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi, cho vay	4.977.715	2.327.130.503
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	746.212.500	1.507.500.000
Cộng	751.190.215	3.834.630.503

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí LC, bảo hành, lãi trả chậm	10.243.030.253	4.733.872.624
- Chi phí lãi vay	17.695.765.676	25.621.569.270
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	412.915.987
- Chi phí tài chính khác	-	103.574.551
Cộng	27.938.795.929	30.871.932.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	319.728.303	138.821.773
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.965.220	2.543.247.525
Cộng	648.693.523	2.682.069.298

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	971.305.097	685.482.644
- Chi phí vật liệu quản lý	7.789.666	9.663.816
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	420.728.766
- Thuế, phí và lệ phí	147.744.827	259.108.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.508.948	215.938.965
- Các chi phí khác	66.060.296	-
Cộng	1.457.408.834	1.590.923.100

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	165.000.000	16.180.000.000
- Thu hỗ trợ nhà phân phối	166.000.000	85.000.000
- Thu nhập khác	8.899.751	-
Cộng	339.899.751	16.265.000.000

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí khác	9.121.928	-
Cộng	9.121.928	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.105.296.852	(10.273.080.229)
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Điều chỉnh	9.014.105.292	24.288.554.082
+ Chi phí lãi vay không được trừ	9.751.195.864	21.659.200.317
+ Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	9.121.928	4.136.853.765
+ Cổ tức được chia	(746.212.500)	(1.507.500.000)
- Thu nhập chịu thuế TNDN	18.119.402.144	14.015.473.853
Lỗi kết chuyển từ các năm trước	(18.119.402.144)	(14.015.473.853)

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.789.666	9.663.816
- Chi phí nhân công	1.291.033.400	824.304.417
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	420.728.766
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.016.549.813	8.618.246.663
- Chi phí khác bằng tiền	213.805.123	372.812.987
Cộng	7.529.178.002	10.245.756.649

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan đến thành viên chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý Công ty:

	Chức danh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Bá Phú	Chủ tịch	36.000.000	-
Ông Đặng Ngọc Hưng	Thành viên	24.000.000	-
Ông Nguyễn Tổng Thắng	Thành viên	24.000.000	-
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Thanh Tuấn	Trưởng ban	24.000.000	-
Ông Vũ Văn Dương	Thành viên	12.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên	12.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đặng Ngọc Hưng	Tổng Giám đốc	212.832.575	62.061.505
Bà Lê Thị Thu Phương	Phó Tổng Giám đốc	172.120.833	108.295.127
Bà Đặng Thị Tuyết Dung	Kế toán trưởng	149.079.467	65.448.000
Cộng		666.032.875	235.804.632

Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	Cổ đông lớn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang		
Phải thu tiền hàng	1.532.444.274.339	582.004.704.683
Thu tiền bán hàng	1.437.242.208.592	659.150.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)		
Phải thu tiền hàng	582.857.759.154	-
Phải trả tiền mua hàng, cung cấp dịch vụ	1.629.663.191.489	-
Trả tiền bán hàng	804.789.800.000	-
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	582.857.759.154	-

(*) Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng là bên liên quan từ thời điểm 31/12/2025. Do đó giao dịch trong kỳ trước chưa phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.8 và 5.11.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7.3. Báo cáo bộ phận

Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực chính sau:
+ Lĩnh vực thương mại
+ Lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị của các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cung cấp các dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.808.125.714.659	5.746.383.373	2.813.872.098.032
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.808.125.714.659	5.746.383.373	2.813.872.098.032
Chi phí kinh doanh theo bộ phận	2.770.380.795.287	5.423.075.645	2.775.803.870.932
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	37.744.919.372	323.307.728	38.068.227.100
Doanh thu hoạt động tài chính			751.190.215
Chi phí tài chính			(27.938.795.929)
Chi phí bán hàng			(648.693.523)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(1.457.408.834)
Thu nhập khác			339.899.751
Chi phí khác			(9.121.928)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.105.296.852

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

**ĐẶNG THỊ THU HÒA****KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

**ĐẶNG THỊ TUYẾT DUNG**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**LÊ THU PHƯƠNG**